

Số:

Thành phố Trà Vinh, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO
Công tác trẻ em năm 2022 và lao động trẻ em

Thực hiện Công văn số 2057/SGDDĐT-CTTT ngày 04/11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh V/v báo cáo công tác trẻ em năm 2022 và lao động trẻ em.

Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Trà Vinh báo cáo kết quả đạt được công tác trẻ em năm 2022 và lao động trẻ em nội dung cụ thể như sau:

I. Đặc điểm tình hình

1. Tình hình trẻ em và công tác trẻ em tại đơn vị.

Toàn thành phố Ngành giáo dục hiện có 39 trường thuộc thành phố quản lý, trong đó có: 16 trường Mầm non- Mẫu giáo, 15 trường tiểu học, 7 trường THCS. Bình quân mỗi phường, xã có từ 1-2 trường mầm non, 1-3 trường tiểu học, 01 trường THCS. Vùng đồng bào dân tộc Khmer của thành phố có 05 trường Mầm non- Mẫu giáo, 06 trường Tiểu học; 03 trường trung học cơ sở.

- Tổng số lớp: 572 (trong đó MN-MN: 156 ; Tiểu học: 272; THCS:144);

- Tổng số học sinh toàn ngành: 18753 (trong đó MN-MN: 4335; Tiểu học: 9016 và THCS: 5402);

- Tổng số học sinh dân tộc Khmer: 4207 (trong đó MN-MN: 849; Tiểu học: 2247 và THCS: 1111);.

Thực hiện Nghị định 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường; Thông tư số 47/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành các quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non. Kết quả 100% cơ sở giáo dục mầm non được UBND thành phố cấp giấy chứng nhận “Trường học đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ”.

Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ em, tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của chương trình GDMN trong bối cảnh dịch Covid- 19 diễn biến phức tạp. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ được các cơ sở giáo dục phối hợp tốt với y tế địa phương, 100% trẻ được cân đo định kì và được theo dõi tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ

phát triển, qua đó giảm đáng kể tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, bảo đảm ngày 21/02/2022 khi trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe.

2. Những vấn đề về trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết

Công tác trẻ em về ngân sách của ngành cho sự nghiệp bảo vệ trẻ em còn hạn chế trong khi đó nhu cầu đáp ứng hoạt động của công tác trẻ em và lao động trẻ em rất lớn, chưa có đầy đủ sân chơi để trẻ em vui chơi giải trí...

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, giám sát, đánh giá thực hiện quyền trẻ em

Thời gian qua, công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác trẻ em và lao động trẻ em, thực hiện quyền trẻ em luôn được ngành giáo dục quan tâm, không ngừng đổi mới nội dung, hình thức tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, giáo viên và học sinh về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đặc biệt là việc tuyên truyền, phổ biến, chính sách pháp luật về công tác trẻ em và lao động trẻ em bằng nhiều hình thức đa dạng và phong phú như: phát hành tài liệu tuyên truyền, tờ bướm, tờ rơi, pa nô, áp phích..... và cổng thông tin điện tử của các trường, của ngành. Bên cạnh đó, triển khai lồng ghép vào các buổi sinh: dưới cờ, hoạt động ngoại khóa, hoạt lệ chi đoàn, chi Đội được 81 cuộc cho 11.700 lượt giáo viên và học sinh tham gia.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 29/8/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh về triển khai Quyết định số 1310/UBND ngày 15/7/2019 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

2. Công tác bảo vệ trẻ em (ở 3 cấp độ)

Hàng năm công tác an sinh xã hội đều được chú trọng, đảm bảo trong đó công tác trợ giúp người khuyết tật, từ đó góp phần giúp người khuyết tật hiểu, tiếp cận và sử dụng thuận lợi có hiệu quả các phương tiện, phục vụ đời sống văn hóa tinh thần cho người khuyết tật vươn lên hòa nhập với cộng đồng. Cải thiện chất lượng cuộc sống của người khuyết tật; từng bước tạo điều kiện cho người khuyết tật tham gia bình đẳng vào các hoạt động của xã hội; xây dựng môi trường xã hội ngày càng chăm lo tốt hơn quyền lợi của người khuyết tật.

Tăng cường công tác tuyên truyền về các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em về phòng chống tai nạn thương tích, đặc biệt là đuối nước, tai nạn giao thông.... Trong năm 2022 trên địa bàn không có trẻ nào bị tử vong do tai nạn thương tích, đuối nước. Đưa 15 học sinh có hoàn cảnh khó khăn đi nhận học bổng.

Phong trào bảo vệ, chăm sóc trẻ em nói chung và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nói riêng được xã hội hóa sâu rộng thu hút sự quan tâm của các cấp, các ngành và toàn xã hội. Trong năm 2022, ngành đã tặng quà cho 1.205 em với tổng số tiền 41.750.000 đồng (nhân Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6) và Huy động từ các tổ chức khác trao học bổng cho em học sinh có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền: 9.850.000 đồng. Thực hiện việc cấp miễn phí thẻ BHYT cho trẻ em trong năm 2022: 67 thẻ, thành tiền 50.920.200 đồng.

Trong năm 2022, ngành giáo dục không có xảy ra tình trạng tai nạn thương tích ở trẻ em.

3. Công tác chăm sóc trẻ em

Thực hiện các chế độ chính sách cho trẻ em như: Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2021. Nghị định số 06/NĐ-CP ngày 05/01/2018 Quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non. Hướng dẫn liên tịch số 26/HDLT-SGDĐT-STC-SLĐTBXH ngày 27/11/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tài chính; Sở Lao động Thương binh và Xã hội về việc thực hiện cơ chế thu, sử dụng và quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục công lập và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập trên địa bàn tỉnh Trà Vinh từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021. Công văn số 268/UBND-KGVX ngày 23/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện Nghị định 06/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ.

Trẻ được hưởng các chế độ theo quy định: Học sinh người DTTS được hưởng đầy đủ các chính sách, chế độ ưu tiên, được nghỉ Tết người DTTS (*01 năm 03 lần*) theo đúng phong tục tập quán. Vận động các em học sinh, mạnh thường quân và giáo viên hỗ trợ giúp đỡ các học sinh DTTS có hoàn cảnh khó khăn các phần quà (quần áo, tập viết, gạo ...)

4. Công tác giáo dục trẻ em

Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo 100% cơ sở GDMN tiếp tục triển khai thực hiện kịp thời các Chương trình, Đề án đối với GDMN như: Chương trình GDMN sau sửa đổi; Chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021- 2025 với chủ đề năm học “*Xây dựng môi trường xanh - an toàn - thân thiện*”; Giai đoạn 2, Đề án “*Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số*”.

Tùng cơ sở giáo dục chú trọng nâng cao tỉ lệ trẻ em được học 02 buổi/ ngày (không tính bán trú) có 38/157 nhóm, lớp (tỉ lệ 24.20%). Đồng thời, có 126/157 nhóm, lớp (tỉ lệ 80.25 %) với 3017/3861 trẻ (tỉ lệ 78.14 %) được học bán trú.

Tăng cường công tác kiểm tra việc quản lý và thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, tổ chức bữa ăn bán trú cho trẻ, khuyến khích sự tham gia của cha mẹ và cộng đồng trong việc giám sát quy trình tổ chức ăn và chất lượng bữa ăn của trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non.

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học: Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3, Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 4 và lớp 5.

Thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ về quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học.

Thực hiện các biện pháp dạy học phù hợp với tình hình ứng phó với phòng, chống dịch bệnh Covid- 19; chỉ đạo giáo viên theo dõi, hướng dẫn học sinh học qua Đài Truyền hình Trà Vinh và tạo sự công bằng trong giáo dục.

Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; đẩy mạnh giáo dục STEM và STEAM trong giáo dục tiểu học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình GDPT 2018) đối với lớp 6; tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình GDPT 2006) đối với các lớp 7, 8, 9; tiếp tục thực hiện Chương trình mô hình trường học mới (VNEN).

Tùng cơ sở giáo dục nghiên cứu, xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch giáo dục môn học theo hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT

cấp THCS, ứng phó với đại dịch Covid-19 theo Công văn số 4040/BGDĐT-GDTrH ngày 16/9/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp THCS, THPT ứng phó với dịch Covid-19 năm học 2021- 2022 và Công văn số 1643/SGDĐT-GDTrH ngày 17/9/2021 của Sở GDĐT, nhằm bảo đảm hoàn thành chương trình năm học.

5. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao, du lịch cho trẻ em

Phong trào thi đua “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*” được các nhà trường và học sinh hưởng ứng tích cực; Xây dựng nhiều lớp học thân thiện, phòng học thân thiện, thầy cô thân thiện, môn học thân thiện, bạn bè thân thiện. Xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, không có bạo lực; Tạo mối quan hệ phối hợp giáo dục giữa nhà trường- gia đình- xã hội.

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; Các hoạt động tập thể “*Chơi mà học*”, “*Vui mà học*”, các trò chơi dân gian phù hợp lứa tuổi, tổ chức các hội thi tìm hiểu...

Xây dựng trường lớp xanh- sạch- đẹp; Hầu hết các công trình vệ sinh trường học được cải thiện; Giáo dục ý thức rèn luyện và bảo vệ sức khỏe; Chú trọng công tác rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông, tai nạn đuối nước và các tai nạn thương tích khác; Nghiêm cấm các trò chơi nguy hiểm, bạo lực.

6. Thực hiện quyền tham gia của trẻ em

Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi, giải thích ý kiến, nguyện vọng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, sự phát triển của trẻ em và điều kiện, hoàn cảnh của gia đình.

Tạo điều kiện, hướng dẫn trẻ em tiếp cận các nguồn thông tin an toàn, phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển toàn diện của trẻ em.

Tạo điều kiện để trẻ em được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng đối với những quyết định, vấn đề của gia đình liên quan đến trẻ em.

Không cản trở trẻ em tham gia các hoạt động giáo dục, xã hội phù hợp, trừ trường hợp vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

III. Đánh giá kết quả đạt được

1. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em ngành giáo dục vẫn còn gặp một số khó khăn: Điều kiện cơ sở vật chất, khu vui chơi dành cho trẻ em chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là trong

dịp lễ, dịp tết và dịp hè; Một bộ phận hộ gia đình ở vùng ven thành phố còn nghèo, thiếu việc làm, thu nhập thấp, chất lượng cuộc sống chưa cao. Những vấn đề trên đã tác động không nhỏ đến kết quả công tác bảo vệ và chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Ý thức của một bộ phận nhân dân trong việc phòng tránh tai nạn thương tích, tai nạn đuối nước cho con em còn hạn chế, nhất là vùng đồng bào dân tộc Khmer.

Công tác vận động gây quỹ bảo trợ trẻ em trong ngành còn gặp nhiều khó khăn.

2. Nguyên nhân của tồn tại và hạn chế

Tác động của mặt trái cơ chế thị trường, ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội, văn hóa phẩm có nội dung xấu, lối sống thực dụng, buông thả, sự phân hóa giàu nghèo, đời sống của người dân còn nhiều khó khăn ảnh hưởng đến công tác giáo dục trẻ em trên địa bàn.

Công tác tuyên truyền, giáo dục các chủ trương chính sách về công tác Bảo vệ chăm sóc trẻ em chưa được thường xuyên, còn thiếu chiều sâu.

Một số gia đình trẻ chưa chú trọng rèn luyện kỹ năng sống cho các em.

IV. Kế hoạch năm 2023

1. Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tăng cường quản lý Nhà nước giáo dục đối với công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; kiểm soát tình hình tai nạn, thương tích trẻ em, đặc biệt là tai nạn đuối nước. Tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh để mọi trẻ em đều được bảo vệ, giảm nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; Chú trọng bảo vệ trẻ em để không bị xâm hại. Tạo môi trường thuận lợi và nâng cao năng lực cho trẻ em trong việc thực hiện quyền tham gia vào các vấn đề liên quan đến trẻ em theo quy định của pháp luật.

2. Các mục tiêu cụ thể và chỉ tiêu

Phần đầu 100% cán bộ, giáo viên có liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, 100% cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong ngành được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nói chung và phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước.... trẻ em nói riêng.

Phần đầu 100% các trường học, các gia đình và trẻ em được tuyên truyền về chính sách, pháp luật, kiến thức và kỹ năng cơ bản về công tác trẻ em và lao động trẻ em.

Trẻ em trong ngành có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được quản lý và có các biện pháp can thiệp, trợ giúp kịp thời.

Trẻ em ngành có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để có cơ hội phát triển.

3. Nội dung các chương trình, đề án, hoạt động trọng tâm và các mô hình tiếp tục thực hiện

Tiếp tục thực hiện Luật Bảo vệ chăm sóc trẻ em, đưa các mục tiêu, chương trình bảo vệ chăm sóc trẻ em vào chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, lồng ghép các mục tiêu chương trình Bảo vệ chăm sóc trẻ em vào hoạt động chuyên môn của ngành, đoàn thể ở đơn vị.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức và kỹ năng thực hiện quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề giáo dục và xã hội, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của ngành, của gia đình và toàn xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

Tạo cơ hội cho mọi trẻ em đều được đến trường, tham gia mọi hoạt động, bảo vệ và chăm sóc theo quy định của pháp luật.

Trên đây là, báo cáo kết quả công tác trẻ em và lao động trẻ em năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Trà Vinh./.

Nơi nhận:

- Phòng CTTT-Sở GDĐT Trà Vinh (b/cáo);
- LĐ và CV Phòng GD-ĐT;
- Các trường trực thuộc;
- Lưu: VT, CMTH.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Trần Thị Út Ba

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	Người	Người	Người	
1.2	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nuôi dưỡng trong cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em hoặc cơ sở trợ giúp xã hội								
1.3	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ sống với người thân thích	8		8	8	8	8		
1.4	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích, trừ trường hợp được nhận làm con nuôi	0							
2	Trẻ em bị bỏ rơi	0							
2.1	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cơ sở trợ giúp xã hội	0							
2.2	Trẻ em bị bỏ rơi được chăm sóc thay thế bởi cá nhân và gia đình	0							
3	Trẻ em không nơi nương tựa	0							
3.1	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật	0							
3.2	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc không còn khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng	0							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	Người	Người	Người	
3.3	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc	0							
3.4	Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật	0							
3.5	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội	0							
3.6	Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc	0							
3.7	Trẻ em có cả cha và mẹ không còn khả năng chăm sóc trẻ em	0							
3.8	Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội	2							
3.9	Trẻ em có cả cha và mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc	0							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	Người	Người	Người	
3.10	Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc	0							
3.11	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ trong độ tuổi trẻ em	0							
3.12	Trẻ em có cả cha và mẹ bị hạn chế quyền làm cha mẹ hoặc tạm thời cách ly khỏi cha hoặc mẹ theo quy định của pháp luật	0							
3.13	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người thân thích	0							
3.14	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc thay thế bởi người không thân thích	0							
3.15	Số trẻ em không nơi nương tựa được chăm sóc tại cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE	0							
4	Trẻ em khuyết tật	88	88	88	88	88	88	0	
4.1	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng	27	100	27	27	27	27	0	
4.2	Trẻ em khuyết tật nặng	61	100	61	61	61	61	0	
4.3	Trẻ em khuyết tật nhẹ	0					0	0	

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	Người	Người	Người	
4.4	Các dạng tật								
	-Trẻ em khuyết tật vận động	21	100	21	21	21	3	0	0
	-Trẻ em khuyết tật nghe, nói	13	100	13	13	13	3	0	
	-Trẻ em khuyết tật nhìn	2	100	2	2	2	0	0	
	-Trẻ em khuyết tật thần kinh, tâm thần	8	100	8	8	8	1	0	
	-Trẻ em khuyết tật trí tuệ	30	100	30	30	30	0	0	
	-Trẻ em khuyết tật khác	14	100	14	14	14	0	0	
	+ Trong đó: Trẻ em tự kỷ	0							
5	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS	0							
5.1	Sống với cha mẹ, người thân thích	0							
5.2	Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích	0							
6	Trẻ em vi phạm pháp luật	0							
6.1	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính	0							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	Người	Người	Người	
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, giáo dục tại xã, phường, thị trấn	0							
	-Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng	0							
6.2	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng biện pháp tư pháp	0							
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn	0							
	- Trẻ em bị áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng	0							
6.3	Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn	0							
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn	0							
	- Trẻ em vi phạm pháp luật đang bị áp dụng hình phạt tù nhưng được hưởng án treo	0							
7	Trẻ em nghiện ma túy	1							
7.1	Trẻ em nghiện ma túy trong cơ sở cai nghiện	0							
7.2	Trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại gia đình, cộng đồng	1							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	Người	Người	Người	
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở	0							
8.1	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở không có người chăm sóc	0							
8.2	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở sống cùng cha, mẹ hoặc có người chăm sóc	0							
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực	0							
10	Trẻ em bị bóc lột	0							
10.1	Trẻ em đang tham gia lao động trái quy định của pháp luật về lao động	0							
10.2	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trình diễn hoặc bị sử dụng trong sản xuất các sản phẩm khiêu dâm	0							
10.3	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động du lịch tình dục	0							
10.4	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia các hoạt động trục lợi khác	0							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	Người	Người	Người	
10.5	Trẻ em bị rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc tham gia hoạt động vận chuyển, mua bán, sản xuất, tàng trữ chất gây nghiện và các hàng hóa khác bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật	0							
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục	1							
11.1	Trẻ em bị hiếp dâm	0							
11.2	Trẻ em bị cưỡng dâm	0							
11.3	Trẻ em bị giao cấu	1							
11.4	Trẻ em bị dâm ô	0							
11.5	Trẻ em bị sử dụng vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức	0							
12	Trẻ em bị mua bán	0							
12.1	Trẻ em bị mua bán trở về sống với cha, mẹ hoặc người thân thích	0							
12.2	Trẻ em bị mua bán trở về được nhận chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải người thân thích	0							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	Người	Người	Người	
13	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	0							
13.1	Trẻ em thuộc hộ nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	0							
13.2	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày	0							
III	Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt								
Nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo	470							
	Trong đó: Trẻ em sống trong gia đình nghèo	51							
2	Trẻ em bỏ học (chưa học xong chương trình THCS)	5							
3	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS, nghiện ma túy)	0							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	Người	Người	Người	
4	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình nghiện ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm)	0							
5	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha, mẹ, người nuôi dưỡng hoặc thành viên gia đình đang trong thời gian chấp hành xử lý vi phạm hành chính hoặc hình sự)	0							
6	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa (trẻ em phải sống xa cả cha và mẹ liên tục từ 6 tháng trở lên)	0							
7	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ	25							
IV	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh khác								
Nhóm trẻ em có hoàn cảnh khác chia theo các loại sau:									
1	Trẻ em bị bắt cóc, chiếm đoạt, đánh tráo	0							
2	Trẻ em bị tai nạn thương tích	2							
2.1	Số trẻ em bị tai nạn thương tích	2							
2.2	Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích	0							

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
					Người	Người	Người	Người	
	+ Trong đó: Số trẻ em tử vong do đuối nước	0							
	Số trẻ em tử vong do tai nạn giao thông	0							

Lập bảng

Nguyễn Thị Ánh Loan

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Công văn số 2057/SGDDĐT-CTTT ngày 04/11/2022)

TT	Chỉ số theo dõi
1	Số lượng/Tỷ lệ trẻ em có nguy cơ, lao động trẻ em được tiếp cận giáo dục phổ thông và đào tạo nghề phù hợp Phân tổ theo: 0 - Giới tính: 0 + Nam: + Nữ: - Tuổi: + Từ đủ 5- chưa đủ 13: 0 + Từ đủ 13- chưa đủ 15: 0 + Từ đủ 15- chưa đủ 18: 0
2	Số lượng/Tỷ lệ cán bộ, giáo viên trong các cơ sở giáo dục được cung cấp thông tin kiến thức về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em Phân tổ theo: - Giới tính: 1204 + Nam: 321 + Nữ: 883 - Loại hình cơ sở: + Giáo dục phổ thông: GDMN, GD Tiểu học, THCS.
3	Số lượng/Tỷ lệ trẻ em được cung cấp thông tin, kiến thức về phòng ngừa và giảm thiểu lao động trẻ em Phân tổ theo: - Giới tính: 15945 + Nam: 8257 + Nữ: 7688 - Tuổi: + Từ đủ 5- chưa đủ 13: 10.564, 100% + Từ đủ 13- chưa đủ 15: 5381, 100% + Từ đủ 15- chưa đủ 18: /
4	Số lượng chương trình, sản phẩm, tài liệu truyền thông vận động xã hội nâng cao nhận thức, trách nhiệm, và phổ biến kiến thức về phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em được xây dựng và phát triển Phân theo đối tượng đích - Cho giáo viên, cán bộ các cơ sở giáo dục: 1 - Cho trẻ em: 1 - Cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ: 1 Phân theo hình thức sản phẩm: (1) Bản tin phát thanh và truyền hình: 01 (2) Bản tin qua các cơ quan báo chí (báo giấy và điện tử):01 (3) Tờ rơi, tờ gấp:0 (4) Video clip:0 (5) Pa-nô, áp-phích tuyên truyền: 01 (6) Sản phẩm khác:0

Lập Bảng

Nguyễn Thị Ánh Loan